

Số: 20/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 17/2026/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị T - Sinh năm 2005.

- **Bị đơn:** Anh Hầu Văn Đ - Sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị T, sinh năm 2005 và anh Hầu Văn Đ, sinh năm 2003. Cùng địa chỉ: Thôn N, xã B, tỉnh Thái Nguyên .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Hầu Văn Đ thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Hầu Văn Đ có một con chung tên Hầu Yến N sinh ngày 16/8/2023, con chung khỏe mạnh và phát triển bình

thường. Sau ly hôn, giao con chung Hầu Yến N cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu giải quyết.

* Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Anh Hầu Văn Đ phải chịu 75.000^d án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị Hoàng Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000748 ngày 27/02/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên. Chị Hoàng Thị T được hoàn trả lại số tiền 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh + Biên bản ghi nhận (01b);
- VKSND khu vực 9 – Thái Nguyên (02b);
- THADS tỉnh Thái Nguyên (01b);
- UBND xã Ba Bể (01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu VP (01b).

THẨM PHÁN

Phạm Thế Hùng